TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 291/2022/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 8 năm 2022
Về việc: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Hồ Quang Minh

Ông: Nguyễn Vũ Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Dương Hồng N**, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Ông **Trần Văn T,** sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2022, nguyên đơn là Dương Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn Tiên kết hôn với nhau vào năm 2017 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng ly thân hơn 1 năm nay. Nay yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 02 người con chung tên Trần Tuấn A, sinh năm 2014, Trần Huỳnh A, sinh năm 2016; cháu hiện nay cháu Tuấn A trưởng thành cháu Huỳnh A bà N đang nuôi dạy, nay yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Văn Tiễn trình bày tại tờ tự khai ngày 08/7/2022: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để công khai chứng cứ và xét xử nhưng ông Tiễn xin vắng mặt ông Tiễn đồng ý ly hôn, con đồng ý giao cho chị N nuôi, không đồng ý cấp dưỡng, tài sản vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn và bị đơn có nơi trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Dương Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Trần Văn Tiễn, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bà N là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự bà N là nguyên đơn, ông Tiễn là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà N và ông Tiễn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà N và ông Tiễn hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy đinh của pháp luật, Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Tiễn được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và được bảo vệ. Về mâu thuẫn không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N và ông Tiễn đã ly thân thời gian dài. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của ông Tùng được ly hôn với bà Diệu.

[3] *Về con chung:* Bà N và ông Tiễn tạo 02 con chung Trần Tuấn A, sinh năm 2014, Trần Huỳnh A, sinh năm 2016 hiện nay bà N đang nuôi dạy, nay bà N yêu cầu nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét, con chung tên Trần Huỳnh A, sinh năm 2016, sống chung với bà N hiện đang đi học nên gần gũi với bà N, nguyện vọng của cháu A muốn sống với bà N được ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Trần Huỳnh A, sinh năm 2016, cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng; Bà N không yêu cầu ông Tiễn cấp dưỡng, nên không xem xét. Ông Tiễn không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà N và ông Tiễn tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Hồng N được ly hôn với ông Trần Văn Tiễn.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Huỳnh A, sinh năm 2016 cho bà Dương Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng đến 18 tuổi, ông Tiễn không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông Tiễn không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Bà Dương Hồng N phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 10/6/2022 bà N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004953 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu đối trừ.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn Trần Văn Thời, huyện TVT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thanh Thủy